

NGÔN NGỮ VĂN HOÁ DÂN TỘC THIỂU SỐ

DAY VÀ HỌC NGỮ ÂM TIẾNG VIỆT ĐỐI VỚI HỌC SINH CÁC DÂN TỘC ÍT NGƯỜI

ĐẶNG NGỌC LÊ
(PGS.TS, ĐHSP Tp Hồ Chí Minh)
TRẦN THỊ THÌN
(TS, Viện Ngôn ngữ học)

1.1. Chủ trương của nhà nước Việt Nam trong chính sách ngôn ngữ là khuyến khích và phát triển tiếng mẹ đẻ của các dân tộc ít người, đồng thời phổ biến tiếng Việt trong các dân tộc này và xây dựng nó thành ngôn ngữ chung của quốc gia.¹¹

Vấn đề dạy và học tiếng Việt cho học sinh các dân tộc ít người, do tầm quan trọng đặc biệt của nó trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội, đã được bàn đến ở nhiều chuyên luận, thuộc các khía cạnh phức tạp khác nhau. Bài này tập trung bàn về vấn đề dạy-học ngữ âm tiếng Việt cho học sinh dân tộc.

1.2. Để có cơ sở cho việc dạy và học tiếng Việt, cần điểm qua đặc điểm của ngữ âm tiếng Việt.

Có ảnh hưởng lớn nhất đến việc dạy-học tiếng Việt là sự khác nhau về mặt ngữ âm giữa các phương ngữ. Đa số các nhà Việt ngữ học chia tiếng Việt thành ba vùng phương ngữ lớn:

1) Phương ngữ Bắc bao gồm các tỉnh phía Bắc và đồng bằng sông Hồng. Phương ngữ này

không có các phụ âm quặt lưỡi [t̚], [ʃ̚], [ʒ̚] (chữ viết ghi là tr, s, r) nhưng có đủ 6 thanh.

2) Phương ngữ Trung gồm các tỉnh từ Thanh Hóa đến đèo Hải Vân. Phương ngữ này chỉ có 5 thanh.

3) Phương ngữ Nam gồm các tỉnh từ đèo Hải Vân đến vùng cực nam của Tổ quốc. Phương ngữ này không có các âm cuối [n], [t] (chữ viết ghi là n, t) và cũng chỉ có 5 thanh.

Nếu ta lấy hệ thống âm được thể hiện trên chữ viết làm chuẩn thì rõ ràng, hệ thống âm của tiếng Việt là hệ thống âm siêu phương ngữ, nó chỉ được phản ánh đầy đủ trên chữ viết mà không tồn tại đầy đủ trong thực tiễn giao tiếp của bất cứ phương ngữ nào. Chẳng hạn, trong khi những người nói phương ngữ Bắc “chật vật” với những phụ âm [t̚], [ʃ̚], [ʒ̚] (tr, s, r) mà vốn dĩ mình không có, thì, với những cư dân sử dụng phương ngữ Trung và phương ngữ Nam, vấn đề này lại quá ư đơn giản. Ngược lại, các phụ âm cuối [n], [t] được phân biệt dứt khoát ở phương ngữ Bắc, nhưng ở phương ngữ Nam, lại lẫn lộn với [ŋ], [k] (ng, c).

1.3. Để học sinh dân tộc ít người có thể tiếp thu tiếng Việt một cách dễ dàng, chúng ta cần tính đến những khó khăn và thuận lợi của các em khi tiếp xúc với từng âm của tiếng Việt. Những âm cần được xem xét đầu tiên, theo chúng tôi là các phụ âm, bởi lẽ:

¹¹ “Tiếng nói và chữ viết của mỗi dân tộc thiểu số ở Việt Nam vừa là vốn quý của các dân tộc đó, vừa là tài sản văn hóa chung của cả nước. Ở các vùng dân tộc thiểu số, tiếng và chữ dân tộc được dùng đồng thời với tiếng và chữ phổ thông...; ở những nơi người dân tộc thạo tiếng phổ thông, có thể dạy thẳng bằng tiếng và chữ phổ thông; ở những nơi người dân tộc ít biết hoặc không biết tiếng phổ thông, cần dạy chữ phổ thông bằng tiếng dân tộc, cho đến khi người học nắm được tiếng và chữ phổ thông”. Quyết định 53-CP của Hội đồng Chính phủ về chủ trương đối với chữ viết của các dân tộc thiểu số, ban hành ngày 22/2/1980.

- Thứ nhất, phụ âm tiếng Việt so với phụ âm của các ngôn ngữ dân tộc có nhiều nét dị biệt hơn cả. Chẳng hạn, tiếng Tày- Nùng, về số lượng, cũng có 24 phụ âm đầu và 6 phụ âm cuối như tiếng Việt, nhưng, trong số đó, về bản chất có những âm mà tiếng Việt không có, như các âm môi - ngạc hoá [pj], [bj], [mj],... (Viện Ngôn ngữ học 1972: 86). Hệ thống ngữ âm của tiếng Pu Péo có âm tắc sát [zh], mà tiếng Việt không có (Hoàng Văn Ma – Vũ Bá Hùng 1992: 35). Trong số 55 phụ âm đầu của tiếng H'mông, có những âm tương đồng với 24 phụ âm đầu của tiếng Việt, nhưng lại cũng có nhiều dị biệt, khi mà tiếng H'mông chỉ có duy nhất 1 phụ âm cuối (Viện Ngôn ngữ học 1972: 150).

- Thứ hai, sắc thái địa phương của tiếng Việt chắc chắn dẫn đến tình trạng học sinh dân tộc học tiếng Việt qua các tiếng địa phương khác nhau sẽ nói tiếng Việt khác nhau. Mà sắc thái địa phương này, như chúng ta biết, thể hiện khá rõ ở phụ âm.

2. 1. Ở đây, có một khái niệm cần phải làm rõ: Trong các tài liệu về ngôn ngữ học xã hội, có thể có ý kiến cho rằng, đối với các dân tộc ít người, tiếng Việt có tư cách gần như một ngoại ngữ, chứ không phải ngôn ngữ thứ hai. Về vấn đề này, theo chúng tôi, trên thực tế, đối với học sinh các dân tộc ít người, do kết quả của tập quán ngôn ngữ đã được hình thành đầu tiên trong đời với một cảm thức riêng, thì ngoài tiếng mẹ đẻ ra, nói chung, bất kì ngôn ngữ nào khác cũng được coi là ngôn ngữ thứ hai. Tuy vậy, ngôn ngữ thứ hai không nhất thiết phải là ngoại ngữ, mà có thể là một ngôn ngữ khác, như ngôn ngữ cộng đồng chẳng hạn. Tiêu chí để phân biệt một ngôn ngữ không phải tiếng mẹ đẻ với một ngoại ngữ là chức năng giao tiếp xã hội của nó trong sinh hoạt đời thường: Nếu một ngôn ngữ được tiếp nhận (tự phát hoặc tự giác) như một ngôn ngữ thứ hai mà không có chức năng giao tiếp đời thường, thì đó là ngoại ngữ. Đối với đồng bào các dân tộc thiểu số, tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai nhưng lại được sử dụng hàng ngày và rộng rãi trong giao tiếp xã hội, do đó, không thể coi nó là ngoại ngữ mà phải coi nó là ngôn ngữ cộng đồng của các dân tộc ở Việt Nam.

2.2. Hãy giả định rằng, việc dạy-học tiếng Việt ở các dân tộc khác nhau đều có chung một điểm xuất phát: mức độ biết tiếng Việt ở học sinh các dân tộc là ngang nhau, khả năng của các giáo viên là ngang nhau và có thể đảm bảo được cho sự giáo dục này, thì ta vẫn có thể dự kiến được một số khó khăn đối với việc dạy-học tiếng Việt cho học sinh các dân tộc ít người như sau:

- Thứ nhất, ngôn ngữ mẹ đẻ của người học là gì và khả năng học sinh đó sẽ mang những tập quán của tiếng mẹ đẻ vào việc học các phụ âm tiếng Việt như thế nào?

- Thứ hai, người học, nếu có một trình độ tiếng Việt nhất định thì tiếng Việt mà học sinh đó biết thuộc phương ngữ nào?

Về khó khăn thứ nhất, cần phải tính đến sự đa dạng của các ngôn ngữ khác nhau ở Việt Nam. Các ngôn ngữ này có thể thuộc những họ khác nhau (Nam Á, Nam Đảo, Thái-Kadai, Mèo Dao, Hán Tạng), và tuy cùng thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập nhưng ngoài những đặc điểm chung, mỗi ngôn ngữ lại có những đặc điểm riêng. Theo S.E. Jakhontov 1965 có thể chia các ngôn ngữ thuộc loại hình đơn lập thành ba tiểu loại (cổ, trung, mới), trong đó một số đặc điểm ngữ âm được coi là quan trọng dùng để phân biệt ba tiểu loại này là: đầu âm tiết có tổ hợp phụ âm hay không; hệ thống phụ âm cuối phong phú, nghèo nàn hay đã bị triệt tiêu... Tiếng Việt được xếp vào tiểu loại hình “trung” cùng với các ngôn ngữ Thái, Dao. Từ đó, có thể nghĩ rằng, khi học tiếng Việt, người Thái, người Dao sẽ có những thuận lợi hơn đồng thời có những khó khăn khác với người H'mông, Pu Péo, Bru-Vân Kiều,...

Nhưng, những điều nói trên cũng chỉ là một mặt của vấn đề. Chúng ta đều biết rằng, khi học một ngôn ngữ nào đó ngoài tiếng mẹ đẻ, người ta khó tránh khỏi việc xác lập một hệ thống tương liên nào đó từ ngôn ngữ ấy với các lớp âm tố trong tiếng mẹ đẻ của mình. Nói cách khác, người học khó có thể thoát khỏi cảm thức bản ngữ của mình, mà luôn tự phát hoặc có ý thức so sánh các âm tố của tiếng Việt với các âm tố của tiếng mẹ đẻ. Về mặt lí thuyết, có thể nghĩ rằng, có bao nhiêu ngôn ngữ khác nhau là có bấy nhiêu sự liên hệ khác nhau của người học đối với

các phụ âm của tiếng Việt. Như vậy, đương nhiên sẽ có những liên hệ phù hợp (hoặc gần) và những liên hệ không phù hợp với thực tế khách quan. Sự đóng góp của ngữ âm học ở đây chính là giúp cho người học, trong quá trình học tiếng Việt có được sự liên hệ phù hợp (để từ đó đồng nhất hoặc loại trừ) giữa các âm tố của tiếng mẹ đẻ và các âm tố của tiếng Việt.

Về khó khăn thứ hai, hãy hình dung một học sinh dân tộc ít người nào đó biết tiếng Việt ở một mức độ nhất định, nhưng tiếng Việt mà anh ta biết không thuộc phương ngữ Bắc (cơ sở của tiếng Việt chuẩn) mà thuộc phương ngữ Trung hoặc phương ngữ Nam, hay thuộc một thổ ngữ nào đó của 3 phương ngữ trên. Điều đó có nghĩa là, số lượng phụ âm sẽ không như số lượng phụ âm của tiếng Việt chuẩn (được thể hiện trên chữ viết). Chẳng hạn, hệ thống phụ âm đầu có thể thiếu [v] nhưng lại thêm [w], hoặc thay cho các phụ âm [f], [x] là các âm bật hơi [p^h], [k^h], hoặc phụ âm [z] được thay bằng [j], hoặc không có các âm cuối [n], [t], hoặc chỉ có 5 thanh... Trong những trường hợp này, người học thường băn khoăn, không hiểu sao lại “nói một đằng viết một nẻo”, hoặc phải khiên cưỡng phát âm cho phù hợp với chính tả hoặc với một chuẩn nào đó, thậm chí nhiều khi không biết phải phát âm thế nào mới đúng. Theo chúng tôi, không nên dạy và khuyến khích phát âm theo một thổ ngữ nào đó. Cần phải thấy xu hướng phát triển của tiếng Việt để dạy và học theo thứ tiếng được coi là có uy tín hiện nay, đó là thứ tiếng được coi là cơ sở của tiếng chuẩn, hoặc, đó là thứ tiếng của những vùng phát triển về kinh tế, văn hoá, chính trị. Nói cách khác, theo chúng tôi, cần phải dạy và học theo tiếng Hà Nội hoặc tiếng thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, ta cũng không nên (và cũng không thể) phá bỏ một cách vô đoán những tập quán ngôn ngữ ở một số đồng, vì chuẩn hoá thực chất là một quá trình chọn lọc các biến thể địa phương của tiếng Việt, được xã hội chấp nhận và sử dụng. Sự đóng góp của ngữ âm trong trường hợp này là giúp cho người học chọn lọc một cách có ý thức để trở thành tự giác.

Theo hướng như vậy, chúng tôi cho rằng, đối với học sinh dân tộc ít người, không nên bắt họ đi đường vòng (qua một thổ ngữ nào đó) để đến với tiếng Việt văn hoá.

2.3. Vậy phương tiện giúp cho việc dạy và học các phụ âm tiếng Việt là gì?

Rõ ràng, việc dạy tiếng Việt cho đồng bào dân tộc ít người không thể giống như dạy cho người Việt. Tất nhiên điều này liên quan đến nhiều mặt trong phân môn tiếng Việt, trong đó ngữ âm chỉ là một khía cạnh. Tuy nhiên, hầu như tất cả các tài liệu giáo dục đều đưa ra một nhận xét chung liên quan đến ngữ âm: nếu giáo viên biết tiếng dân tộc thì việc dạy kiến thức nói chung, tiếng Việt nói riêng cho học sinh dân tộc đó sẽ đạt kết quả dễ dàng hơn và khả quan hơn. Ở phương diện mà chúng ta quan tâm, có thể nghĩ rằng người giáo viên đó đã giúp học sinh so sánh sự giống và khác nhau về cấu âm của một số âm tố tiếng Việt với tiếng mẹ đẻ của họ

Có một thực tế thật trái ngược: trong các tài liệu dạy-học tiếng Việt, hầu như không có một lưu ý nào cho học sinh các dân tộc ít người về cách phát âm tiếng Việt, thế nhưng, trong các sách mô tả và sách học tiếng của các dân tộc khác nhau thì người ta lại lấy các âm tiếng Việt làm chuẩn để mô tả hoặc để hướng dẫn phát âm các âm thuộc ngôn ngữ này. Chẳng hạn, *Ngữ pháp tiếng Tày-Nùng* (Hoàng Văn Ma, Lục Văn Páo, Hoàng Chí 1971: 22) viết như sau:

“Khi phát âm [f], môi dưới chạm hàm răng trên, hơi cọ xát mà ra, giống như phát âm [ph] tiếng Việt.

Khi phát âm [sl], trước tiên lưỡi lên gần hàm ếch cứng như chuẩn bị phát âm [s] trong tiếng Việt miền Trung và Nam, sau đó cho hơi ra hai bên mép một cách liên tục.”

Còn cuốn *Hmôngz ntour* thì hướng dẫn cách phát âm các phụ âm tiếng Hmông như sau:

“m- Là phụ âm hai môi tắc xát hàm ếch trên mặt lưỡi (giống hoàn toàn m trong tiếng Việt).

tr- Là phụ âm tắc xát hàm ếch cứng đầu lưỡi rung nhẹ không nhán hơi (giống tr tiếng Việt ở miền Trung và Nam Bộ)”.

Hoặc, *Sách học tiếng Bru-Vân Kiều* (Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên 1986) viết:

“r- đọc như r tiếng Việt (vùng Bình Trị Thiên)”.

Đọc những mô tả trên, ta không thể không băn khoăn: ngoài những mô tả cấu âm cần xem xét lại, thì phải hiểu “tiếng Việt”, “tiếng Việt miền Trung và Nam”, “tiếng Việt vùng Bình Trị Thiên” là như thế nào? Đây là chưa kể rằng, đối với một người vốn không nói phương ngữ Trung thì việc nhận thức âm “tr” của tiếng H’mông và âm “tr” của tiếng Việt miền Trung cũng khó khăn chẳng khác gì nhau.

Tuy thế, cũng phải công nhận rằng, cách thức trình bày như trên có thể giúp ích cho việc dạy-học một ngôn ngữ dân tộc nào đó của người đã biết tiếng Việt, đồng thời cũng giúp người chưa biết tiếng Việt có ấn tượng về một số phụ âm tiếng Việt nào đó. Như vậy, rõ ràng, đối với việc dạy-học tiếng Việt, việc so sánh ngược lại đối với học sinh dân tộc ít người phải được coi là cần thiết.

Nhưng, vấn đề không chỉ đơn giản như vậy. Chúng ta đều biết rằng, tiếng H’mông (ngành Lềnh) có tới 55 phụ âm đầu, trong đó có nhiều phụ âm tương đồng với phụ âm đầu của tiếng Việt. Bởi vậy, người H’mông phát âm các phụ âm đầu của tiếng Việt không mấy khó khăn. Thế nhưng, tiếng H’mông chỉ có một phụ âm cuối [ŋ] (ng). Và đó chính là khó khăn của học sinh H’mông khi học tiếng Việt. Cũng như vậy, hệ thống âm đầu của tiếng Êđê không có các âm [f], [v] (Đoàn Văn Phúc 1993), hệ thống âm cuối của tiếng Thái và tiếng Tày không có các âm [ŋ], [c] (nh, c)... Đây là chưa kể hàng loạt ngôn ngữ mà phẩm chất của các phụ âm khác rất xa với phụ âm tiếng Việt, đặc biệt, các phụ âm tiếng Việt có thể bị chi phối bởi những hoàn cảnh ngữ âm mà các ngôn ngữ kia không có... Những điều đó dẫn tới việc phải mô tả kỹ lưỡng hệ thống phụ âm tiếng Việt. Nói cách khác, phải xuất phát từ cấu trúc ngữ âm của hệ thống phụ âm tiếng Việt, để từ đó có thể so sánh với tiếng mẹ đẻ của các học sinh dân tộc.

Chúng tôi cho rằng, đối với các phụ âm không thể so sánh, tức là người học không có

điểm tựa của cảm thức bản ngữ để nhận thức các phụ âm này thì ngoài việc chỉ ra các đặc điểm cấu âm, giáo viên cần có những sơ đồ về vị trí cấu âm để học sinh dễ hình dung. Thứ tự các âm nên theo nguyên tắc từ dễ đến khó. Đồng thời, các phụ âm này cần phải được nhận thức trong kết hợp với các nguyên âm tiêu biểu [i, u, a]. Nghĩa là, trước hết cần học phát âm [pa, pi, pu, ma, mi, mu, ap, up, ip...].

3. Dạy và học tiếng Việt với tư cách ngôn ngữ phổ thông đối với học sinh các dân tộc ít người ở nước ta, như đã nói ở trên, là vấn đề lớn có tính chiến lược của sự nghiệp giáo dục. Nhưng hiện tượng song ngữ, thậm chí đa ngữ, ở đồng bào dân tộc ít người chủ yếu vẫn mang tính tự phát. Sự tiếp nhận ngôn ngữ thứ hai, đặc biệt là ngôn ngữ phổ thông, chưa được nghiên cứu cơ bản trên quan điểm ngôn ngữ học tâm lí. Do vậy, chúng tôi chỉ nêu lên một vài khía cạnh, có tính gợi mở cho việc dạy-học các phụ âm tiếng Việt đối với học sinh các dân tộc ít người.

Tài liệu tham khảo

1. Dự án phát triển giáo viên tiểu học 2006, *Phương pháp dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc cấp tiểu học*. Hà Nội: Giáo dục.
2. Đoàn Văn Phúc 1993, *Ngữ âm tiếng Êđê*. Luận án Phó tiến sĩ Ngữ văn. Hà Nội: Viện Ngôn ngữ học.
3. Hoàng Văn Ma – Vũ Bá Hùng 1992, *Tiếng Pu-Péo*. Hà Nội: Khoa học Xã hội.
4. Hoàng Văn Ma, Lục Văn Pảo, Hoàng Chí 1971. *Ngữ pháp tiếng Tày- Nùng*. Hà Nội: Khoa học Xã hội.
5. Jaxontov, S.E. 1965, *Drevnekitajskij jazyk*. Moskva: Jazyki narodov Azii i Afriki.
6. Mông Ký Slay 2001, *Nội dung phương pháp và hình thức tổ chức dạy học ở vùng dân tộc*. Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Viện Ngôn ngữ học 1972, *Tìm hiểu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. Hà Nội: Khoa học Xã hội.
8. Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên 1986, *Sách học tiếng Bru-Vân Kiều*.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 20-11-2008)